

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Z
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày 22-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Z, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thi Thơ

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Lê Văn Búp

+ Ông Ngô Văn Lâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Tiên Dũng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Z.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Z tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Z xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2018/TLST-HS, ngày 27/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS, ngày 07/6/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Tấn D**, sinh ngày 17/10/1990 tại thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quốc T (chết) và bà Nguyễn Thị L1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 18/12/2012 Bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự số 94/2012/HS-ST, ngày 18/12/2012; Bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 31/8/2013.

Ngày 22/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xử phạt 01 (một) năm tù; tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST, ngày 22/3/2018. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn, tỉnh Bình Định.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Người bị hại:

+ Nguyễn Hữu N, sinh năm 1968, có mặt

Trú tại: Thôn A, xã H, huyện Z, tỉnh Quảng Ngãi

- Nguyên đơn dân sự: Ông Trần Quang T1, sinh năm 1972, vắng mặt

Trú tại: Tổ 8, phường G, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1967, có mặt

Trú tại: Thôn A, xã H, huyện Z, tỉnh Quảng Ngãi

+ Hồ D1, sinh năm 1943, vắng mặt

Trú tại: Tổ 7, phường Y, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 30/11/2017, Ngô Tấn D, sinh năm 1990 ở thôn L, xã K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi điều khiển xe máy biển số 76HE – 3675 đi từ thành phố Quảng Ngãi lên nhà Nguyễn Hữu B ở thôn A, xã H, huyện Z, tỉnh Quảng Ngãi để thăm chơi. Khi D đi đến nhà của Nguyễn Hữu B thì B đang đi thi hành án phạt tù tại Trại giam nên không có nhà, mà chỉ có hai vợ chồng ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1968 với bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1967 (là cha mẹ B) ở nhà. Do không có B ở nhà nên Ngô Tấn D xin phép vợ chồng ông Nguyễn Hữu N ở lại chơi qua đêm và được vợ chồng ông N đồng ý. Trong quá trình ở chơi tại nhà ông N, nhìn thấy ông Nguyễn Hữu N có một xe máy biển số 76H2 – 6718, màu sơn đen nên D nói với ông N "cho cháu đổi xe máy cub của cháu (xe 76HE – 3675) lấy xe máy của chú (xe 76H2 – 6718) về cháu sửa sử dụng để đi". Nghe vậy thì hai vợ chồng ông Nguyễn Hữu N đều không đồng ý. Đến khoảng 07 giờ ngày 01/12/2017, khi hai vợ chồng ông Nguyễn Hữu N đi làm đồng thì Ngô Tấn D điều khiển xe 76HE – 3675 đi trước, khi đi thì D nhìn thấy ông N đem chìa khóa cửa nhà cất giấu ở phía dưới viên gạch phía trước hè nhà. Thấy vậy, nên Ngô Tấn D điều khiển xe đi một đoạn thì quay lại, lấy chìa khóa mở cửa đột nhập vào nhà ông N. Do đã để ý từ trước nên khi đột nhập được vào nhà, D đi đến khu vực phía sau tủ để tivi lấy chìa khóa xe máy 76H2 – 6718 và đi đến phía dưới chân tủ đứng trong nhà để lấy giấy chứng nhận đăng ký xe máy của xe 76H2 – 6718. Nhận thấy xe 76HE – 3675 của mình đã cũ, hư hỏng nhiều, giá trị thấp và không có giấy tờ xe nên Ngô Tấn D bỏ lại xe 76HE – 3675 tại nhà ông Nguyễn Hữu N rồi dắt trộm xe máy 76H2 – 6718 của ông Nguyễn Hữu N đem đi cầm đồ tại tiệm cầm đồ X ở số 3, đường V, phường G, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi do anh Trần Quang T1, sinh năm 1972, trú tại tổ 8, phường G, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi làm chủ với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTTHS ngày 08/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Z kết luận: 01 (một) xe máy mang biển

kiểm soát 76H2 – 6718, số khung 059269, số máy 059269 có giá trị là: 2.580.000đ (Hai triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số 679/QĐ-VKS, ngày 25/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Ngô Tấn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Ngô Tấn D phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 01 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 28; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Tấn D từ

.....
Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HS-ST, ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên:

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy cầm đồ số 79, ghi ngày 31/11/2017 của tiệm cầm đồ X và 01 bản phô tô chứng minh nhân dân của Ngô Tấn D;

Giao công an huyện Z 01 xe mô tô biển kiểm soát số 76HE- 3675, nhãn hiệu Honda, số loại C50, số máy C50E- 9468225 để tiếp tục điều tra, làm rõ chủ sở hữu để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Ngô Tấn D phải bồi thường số tiền 2.000.000đồng cho anh Trần Quang T1.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim O buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 600.000đ.

- Về án phí: Bị cáo Ngô Tấn D phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và

những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ngô Tấn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Ngô Tấn D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; đủ khả năng hiểu biết và điều khiển hành vi của bị cáo. Nhưng vì hám lợi nên vào khoảng 07 giờ ngày 01/12/2017; bị cáo lợi dụng sơ hở của ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị Kim O nên bị cáo đã lẻn lút đột nhập vào nhà của ông N, bà O thuộc thôn A, xã H, huyện Z, tỉnh Quảng Ngãi lấy trộm xe máy 76H2- 6718 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của xe 76H2-6718; giá trị tài sản trộm cắp mà Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự kết luận là 2.580.000đ (Hai triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Ngô Tấn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ngô Tấn D trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn nên cần áp dụng Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 khi xét xử đối với bị cáo.

[6] Hội đồng xét xử cũng xét thấy: Bị cáo Ngô Tấn D có nhân thân xấu; bản thân không có nghề nghiệp ổn định. Bị cáo đã bị xử phạt tù nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt tù đối với bị cáo nhằm cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim O về nội dung ngoài việc mất trộm xe mô tô biển kiểm soát 76H2- 6718 của ông Nguyễn Hữu N thì bà còn bị mất một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, trị giá 600.000đ. Nay bà yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà điện thoại di động hiệu Nokia trị giá 600.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà O và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án chưa có cơ sở kết luận bị cáo Ngô Tấn D thực hiện hành vi trộm điện thoại di động nêu trên. Nên chưa xử lý về việc bà bị mất điện thoại di động nêu trên là phù hợp. Do đó, yêu cầu của bà không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn dân sự ông Trần Quang T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông 2.000.000đồng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Ngô Tấn D phải bồi thường cho ông Trần Quang T1 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76H2- 6718; quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 giấy cầm đồ số 79, ghi ngày 31/11/2017 và 01 bản phô tô chứng minh nhân dân của Ngô Tấn D. Đây là các tài liệu, đồ vật khác trong vụ án nên được coi là chứng cứ theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nên cần lưu hồ sơ vụ án.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát số 76HE- 3675, nhãn hiệu Honda, số loại C50, số máy C50E- 9468225; hiện chưa xác định được chủ sở hữu nên cần giao Công an huyện Z quản lý để tiếp tục điều tra, làm rõ chủ sở hữu và xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Ngô Tấn D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 51; Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106, Khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1- Tuyên bố: Bị cáo Ngô Tấn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2- Xử phạt bị cáo Ngô Tấn D 01 (Một) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HS-ST, ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/12/2017.

3- Về phần dân sự: Buộc bị cáo Ngô Tấn D phải bồi thường cho ông Trần Quang T1 số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

4- Về xử lý vật chứng:

- Giao công an huyện Z xe mô tô biển số 76HE- 3675, số máy: C50E- 9468225, nhãn hiệu HONDA, số loại C50, màu xanh quản lý để tiếp tục xác minh làm rõ chủ sở hữu để xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/5/2018 giữa Công an với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z.

5- Về án phí: Buộc bị cáo Ngô Tấn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm Thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần quyết định có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện;
- Công an huyện Z;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Thi Thơ